

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ 2 NĂM 2026

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý 2	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	46,548	8,83	23,58	50,6%	
I	Thu nội địa	46,548	8,83	23,58	50,6%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	107,356	39,987	79,037	73,6%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	44,258	5,900	22,089	49,9%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	37,391	5,034	21,112	56,5%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	6,867	0,866	0,977	14,2%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	63,098	19,787	37,648	59,7%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	31,502	7,875	15,752	50,0%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	31,596	11,912	21,896	69,3%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		14,300	14,300		
VI	Thu từ nguồn đóng góp			5,000		
C	TỔNG CHI NSDP	107,356	33,438	53,402	49,7%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	107,356	31,336	51,300	47,8%	
1	Chi đầu tư phát triển	2,31	8,315	9,015	390,3%	
2	Chi thường xuyên	103,161	23,021	42,285	41,0%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	1,885	-	-	0,0%	

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý 2	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		2,102	2,102		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	46,548	6,808	23,576	50,6%	
I	Thu nội địa	46,548	6,808	23,576	50,6%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	34,243	3,720	18,188	53,1%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	0,57	0,185	0,587	102,97%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	3,393	1,614	2,988	88,1%	
	Trở: Lệ phí trước bạ	2,528	1,125	2,219	87,8%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	7,657	1,163	1,416	18,5%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0,05	0,003	0,040	80,8%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7,157	0,739	0,786	11,0%	
-	Thu tiền sử dụng đất	0,45	0,421	0,589	131,0%	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			0,002		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	0				
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	0,685	0,126	0,396	57,8%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	0	0,000	0,000		
1	Thuế GTGT					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	44,258	5,900	22,09	49,9%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	37,391	5,034	21,11	56,5%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6,867	0,866	0,98	14,2%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	107,356	33,438	53,402	49,7%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	107,356	33,438	53,402	49,7%	
I	Chi đầu tư phát triển	2,31	8,315	9,015	390,3%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	2,31	8,315	9,015	390,3%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	103,161	23,021	42,285	41,0%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	60,146	13,668	25,309	42,1%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0,434	0,055	0,055	12,6%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1,885			0,0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác (chi nộp trả ngân sách cấp trên)		2,10	2,10		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	0	0	0		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					